VIETNAM 1:50,000

BẢN BÚC

SHEET 5951 IV
SERIES L7014

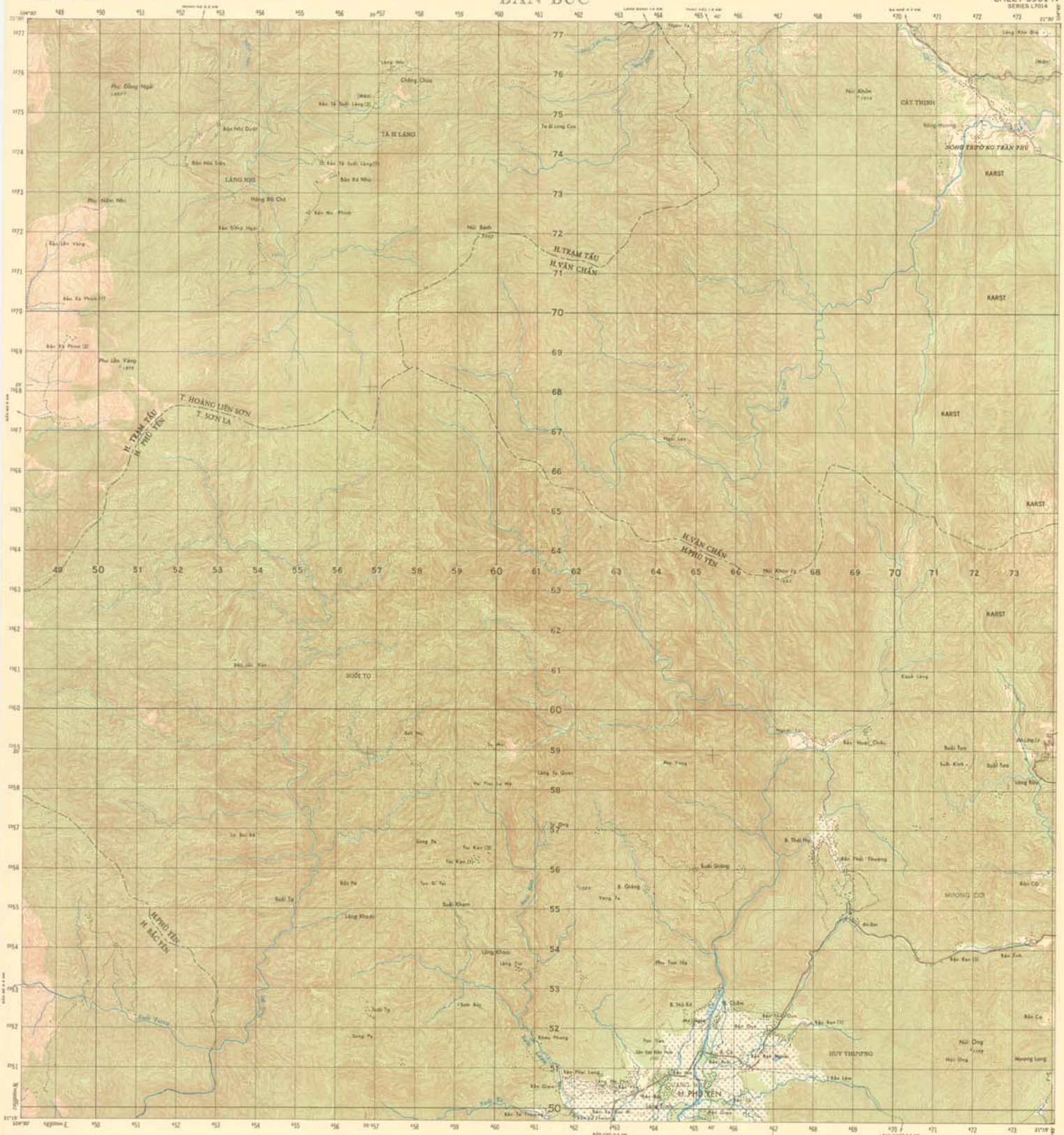

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
IN THÁNG 5 NĂM 1979 CHỈNH LÝ THEO BẢN ĐỒ 1:100.000 UTM IN NĂM 1978.

Scale Échelle Tỷ-lệ 1:50,000

CONTOUR INTERVAL – 20 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS – 10 METERS

ÉQUIDISTANCE DES COURBES: 20 MÈTRES
(10 COURBES AUXIXIAIRES: 10 MÈTRES)

SPHEROID EVEREST
GRID 1,000 METER UTM ZONE 48 (BLACK NUMBERS-LINES)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM APPROXIMATE MEAN SEA LEVEL
HORIZONTAL DATUM INDIAN DATUM 1960

SPHÉROÏDE EVEREST
QUADRILLAGE KILOMÉTRIQUE UTM, FUSEAU 48 (LES COURBES CHARNIÈRES EN NOIR)
PROJECTION TRANSVERSE MERCATOR
NIVEAU DE RÉFÉRENCE NIVEAU MOYEN APPROXIMATIF DES MERS
LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE RÉFÉRENCE LE RÉSEAU GÉODÉSIQUE DE L'INDE 1960

ELEVATION GUIDE
GUIDE D'ÉLÉVATION
CHỈ DẪN CAO ĐỘ

BOUNDARIES
FRONTIÈRES
NHỮNG ĐỊA GIỚI

ADJOINING SHEETS
FEUILLES ADJACENTES
BẢNG RÁP ĐỊA ĐỒ

LEGEND — LÉGENDE — CHÚ TỰ

MAP INFORMATION AS OF 1968
RENSEIGNEMENTS CARTOGRAPHIQUES 1968
BẢN ĐỒ THÔNG TIN NĂM 1968

KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO ĐỘ: 20 MÉT
CÁC VÒNG CAO ĐỘ PHỤ TRỢ: 10 MÉT

TO CONVERT A MAGNETIC AZIMUTH TO A GRID AZIMUTH
SUBTRACT 0-W ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT MAGNÉTIQUE EN AZIMUT DU QUADRILLAGE
SOUSTRAIRE L'ANGLE O-W

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC TỪ THÀNH PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG
TRỪ GÓC O-T

TO CONVERT A GRID AZIMUTH TO A MAGNETIC AZIMUTH
ADD O-W ANGLE

POUR CONVERTIR L'AZIMUT DU QUADRILLAGE EN AZIMUT MAGNÉTIQUE
AJOUTER L'ANGLE O-W

MUỐN ĐỔI PHƯƠNG-GIÁC Ô VUÔNG THÀNH PHƯƠNG-GIÁC TỪ
CỘNG THÊM GÓC O-T

CONVERGENCE DU QUADRILLAGE
POUR LE CENTRE DE LA FEUILLE
MỘT VÀI ĐƯỜNG KẺ Ô VUÔNG TRONG TỜ BẢN ĐỒ

GLOSSARY — GLOSSAIRE — CỔ TỰ

Bãi	hamau	settlement
Làng	hameau	settlement
Ngòi	ruisseau	stream
Suối	ruisseau	stream
Núi	montagne	mountain
Phu	montagne	mountain
Suối	ruisseau	stream